| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KIM THÀNH**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 32/2021/HN&GĐ-ST
Ngày 08/9/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Minh và ông Trần Văn Tích

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2021/TLST-HN&GĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2021, quyết định hoãn phiên toà số 12/2021/QĐST-HN&GĐ ngày 12/8/2021 của Toà án nhân dân huyện Kim Thành giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị V – sinh năm 1991

Nơi ĐKHKTT, nơi cư trú: Thôn Phạm X, xã Tuấn V, huyện KT, tỉnh HD

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến Đ – sinh năm 1988

Nơi ĐKHKTT: Thôn Phạm X, xã Tuấn V, huyện KT, tỉnh HD.

Nơi ở: Thôn Đ, xã Cổ D, huyện KT, tỉnh HD.

(Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị V trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến Đ – sinh năm 1988, quê quán: thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, ĐKHKTT: Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Nơi ở: Thôn Đông, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương kết hôn ngày 25/10/2012 tại UBND thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị đi làm ở Viêm Xá – Hà Long - Bắc Ninh và có ở trọ cùng nhau, anh

chị không đăng ký tạm trú ở Bắc Ninh vì thời gian làm việc ở đó vợ chồng chuyển nhà trọ nhiều lần, không cố định ở đâu lâu dài và chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng luôn bất hòa, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị cũng đã tha thứ cho anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn chứng nào tật ấy không chịu thay đổi vẫn ham chơi, không quan tâm gì đến gia đình, nhắn tin cho người phụ nữ khác và đánh đập chị ngày càng thậm tệ. Mặc dù mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình khuyên bảo hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Trong thời gian chung sống thì chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Tuấn Việt 2 lần: Lần thứ 1 nhất vào cuối năm 2016 do anh Đ đánh chị nên chị về ở nhà bố mẹ đẻ được khoảng 4 tháng thì chị vì các con nên có quay lại chung sống cùng anh Đ để cho anh cơ hội nhưng anh Đ không chịu thay đổi. Lần thứ 2 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ vào cuối năm 2018 vì lý do anh Đ cầm cắm xe của anh Đ và về nhà đòi mượn xe của chị, chị không cho mượn nên anh Đ có đánh chị và chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, sau đó vì nghĩ đến con nên vợ chồng quay về chung sống với nhau. Đến đầu năm 2019 thì vợ chồng về Hải Dương sinh sống và ở trọ ở Phạm Xá 1 – Tuấn Việt nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn mâu thuẫn, anh Đ ham chơi, đi thâu chơi thâu đêm, có biểu hiện không chung thuỷ bằng việc anh Đ thường xuyên nhắn tin với người phụ nữ khác. Hơn nữa anh Đ về nhà đánh đập chị thường xuyên, có lần anh Đ đánh chị phải nhờ công an xã Tuấn Việt vào can thiệp. Anh chị cũng chung sống với nhau ở Tuấn Việt được vài tháng thì đến cuối năm 2020 chị về nhà bố mẹ đẻ chị ở Tuấn Việt sinh sống, còn anh Đ ở trọ ở Thôn Đông, Cổ Dũng. Vợ chồng chị ly thân nhau và cắt đứt mọi liên hệ với nhau từ đó đến nay. Chị cũng không liên lạc gì với gia đình anh Đ nữa nên cũng không rõ được địa chỉ của bố mẹ anh Đ vì bố mẹ anh Đ cũng đã ly hôn nhau từ lâu. Trong thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ anh Đ cũng thường xuyên đến gây sự chửi chị và gia đình chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Chị đề nghị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 2 con chung: Nguyễn Tiến M – sinh ngày 29/4/2013 và Nguyễn Minh Ph – sinh ngày 19/2/2016. Hiện tại hai con chung đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị đang làm công ty nến thơm, tại Xuân Mang – Tuấn Việt – Kim Thành – Hải Dương, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/1 tháng, bố mẹ đẻ chị luôn tạo điều kiện về chỗ ăn ở sinh hoạt cho mẹ con chị nên tôi sẽ đảm bảo việc nuôi con. Từ khi vợ

chồng ly thân nhau đến nay chị là người trực tiếp nuôi hai con, anh Đ không hề quan tâm gì đến các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh Đ và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án cùng với đại diện UBND xã Cổ Dũng xuống nơi ở của anh Đ để làm việc, nhưng anh Đ vắng mặt không có ở nhà nên Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Đ theo quy định của pháp luật.

Toà án làm việc với bà Lê Thị H là mẹ đẻ của chị Phạm Thị V xác định: Trong quá trình chung sống giữa chị V và anh Đ có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ mải chơi, có biểu hiện không chung thuỷ nên thường về chửi bới, xúc phạm và đánh thậm tệ chị V nhiều lần. Cụ thể vào cuối năm 2016 thì chị V phải bỏ về nhà bà vì bị anh Đ đánh, về ở được khoảng 4 tháng thì nghĩ đến các con nên chị V đã quay về chung sống cùng anh Đ. Sau đó đến cuối năm 2018 thì chị V lại phải bỏ về nhà bà vì bị anh Đ đánh. Sau đó được sự động viên của gia đình bà nên chị V quay về, Chị V cũng đã chịu nhịn nhiều lần vì muốn gia đình êm ấm. Đến đầu năm 2019 thì vợ chồng về Hải Dương sinh sống và trọ ở thôn Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương cũng gần với gia đình bà. Nhưng trong quá trình chung sống tại đây thì anh Đ vẫn ham chơi, thường xuyên đánh thậm tệ chị V. Vào khoảng giữa năm 2020 thì anh Đ có treo cả hai tay chị V lên, đánh chị V thâm tím người. Khi bà đến thì nhìn thấy chị V đang bị treo hai tay lên và lúc đó chị V đã bị bất tỉnh. Bà được biết là do anh Đ đòi hỏi tiền chị V nhưng chị V không đưa nên vợ chồng về lại to tiếng, anh Đ lại đánh chị V. Nên cuối năm 2020 chị V đã phải bỏ về nhà bà ở từ đó cho tới nay, còn anh Đ ở trọ ở xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành. Trong thời gian chị V về nhà bà ở thì anh Đ có đến 1 lần nhưng chỉ đến để đe doạ và đánh chị V và anh Đ thỉnh thoảng chặn đường đi làm để đe doạ, chửi bới chị V. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo hoà giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Bà mong Toà án sớm giải quyết ly hôn cho chị V để ổn định cuộc sống nuôi con. Chị V và anh Đ có 02 con: Nguyễn Tiến M – sinh ngày 29/4/2013 và Nguyễn Minh Ph – sinh ngày 19/2/2016. Hiện tại các cháu đang ở cùng với chị V và gia đình bà. Nếu chị V được nuôi nuôi cả hai con thì gia đình bà sẽ giúp đỡ mẹ con chị V về chỗ ăn ở sinh hoạt và trông nom các cháu khi chị V đi làm. Chị V hiện tại đi làm công ty có thu nhập nên sẽ đảm bảo việc nuôi con. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay thì anh Đ cũng không quan tâm gì đến các cháu nữa, gia đình bố mẹ đẻ anh Đ ở xa không rõ được địa chỉ ở đâu nên cũng không thể giúp anh Đ trông

nom các cháu được. Nếu giao con cho anh Đ thì chỉ làm khổ các cháu, cuộc sống sinh hoạt của các con chung sẽ không đảm bảo.

Toà án làm việc với ông Nguyễn Khắc Th là chủ nhà trọ nơi anh Đ thuê ở trọ xác định: Anh Nguyễn Tiến Đ có thuê trọ tại khu trọ của nhà ông từ cuối năm 2020 cho tới nay, anh Đ sáng đi làm, tối mới về, còn cụ thể đi làm ở đâu thì ông không nắm được. Ông biết anh Đ có vợ tên là V ở Tuấn Việt nhưng từ khi anh Đ ở trọ tại nhà ông thì ông không thấy chị V đến ở cùng anh Đ mà chỉ thấy một mình anh Đ ở trọ nhà ông và anh Đ cũng không tâm sự với ông về chuyện gia đình nên ông cũng không biết được

Toà án xác minh tại công an xã Cổ Dũng xác định: Anh Nguyễn Tiến Đ hiện đang lưu trú tại khu trọ của ông Nguyễn Khắc Th tại đội 7, thôn Đông, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương từ cuối năm 2020 cho tới nay. Anh Đ buổi sáng đi làm còn buổi tối trở về khu trọ ở, anh Đ làm ở đâu thì xã không nắm được.

Toà án xác minh tại UBND xã Tuấn Việt nơi chị V và anh Đ từng sinh sống cùng nhau xác định: Chị V và anh Đ có chung sống với nhau từ đầu năm 2019 đến cuối năm 2020 tại thôn Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành. Trong quá trình chung sống tại địa phương thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị V nghi ngờ anh Đ có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra lời qua tiếng lại, xúc phạm và đánh nhau. Có lần anh Đ đánh chị V phải nhờ công an xã vào can thiệp. Sau đó anh Đ bỏ đi nơi khác sinh sống, còn chị V về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn ở từ cuối năm 2020 cho tới nay.

Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh Đ đến tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt. Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập anh Đ đến phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Đ vẫn vắng mặt. Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử chị V có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Chị vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu khởi kiện. Anh Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị V được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ. Về con chung: Giao hai con chung: Nguyễn Tiến M – sinh ngày 29/4/2013 và Nguyễn Minh Ph – sinh ngày 19/2/2016 cho chị Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V về việc không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị V và anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Tiến Đ kết hôn năm 2012, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau đến cuối năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có sự tin tưởng yêu thương nhau, anh Đ mải chơi, không quan tâm gì đến gia đình và thường xuyên xúc phạm, đánh chị V. Anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay nhưng anh Đ cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với chị V. Trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án, anh Đ không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án hòa giải; thể hiện việc anh Đ bỏ mặc cho quan hệ hôn nhân đổ vỡ. Chị V vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với anh Đ. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị V xin được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Vinh và anh Đ có 2 con chung: Nguyễn Tiến M – sinh ngày 29/4/2013 và Nguyễn Minh Ph – sinh ngày 19/2/2016. Xét thấy: Chị V có công việc, thu nhập ổn định, bố mẹ đẻ chị luôn tạo điều kiện cho chị để nuôi con, cháu Tiến M đã hơn 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với chị V, cháu Minh Phương là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Từ khi vợ chồng

sống ly thân nhau cho tới nay thì các con chung đều đang ở cùng với chị V, chị V vẫn đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định, không bị xáo trộn cuộc sống của con chung nên Toà án giao hai con chung Nguyễn Tiến M – sinh ngày 29/4/2013 và Nguyễn Minh Ph – sinh ngày 19/2/2016 cho chị Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V về việc không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị V có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị V được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ.

2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Tiến M – sinh ngày 29/4/2013 và Nguyễn Minh Ph – sinh ngày 19/2/2016 cho chị Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị V về việc không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Tiến Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2018/0001704 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Phạm Thị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Uỷ ban nhân dân thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đỗ Thị Hạnh**